

Số: *4745*/BGDDĐT-KHTC

V/v Hướng dẫn xây dựng kế hoạch  
đào tạo năm 2012.

Hà Nội, ngày *15* tháng 7 năm 2011.

- Kính gửi: - Các Bộ, ngành trực thuộc Trung ương;  
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  
- Đại học Quốc gia Hà Nội;  
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;  
- Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam;  
- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam;  
- Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

Thực hiện Chỉ thị số 922/CT-TTg ngày 15/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước 2012; Căn cứ công văn số 4106/BKHĐT-TH ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2012; Căn cứ Thông tư số 83/2011/TT-BTC ngày 16/6/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các Bộ, ngành trực thuộc Trung ương, hai Đại học Quốc gia, hai Viện Khoa học và Học viện Chính trị-Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh triển khai xây dựng kế hoạch đào tạo sau đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp năm 2012 theo các nội dung sau:

**I. Đánh giá thực hiện kế hoạch năm 2010 và ước thực hiện kế hoạch năm 2011:**

1. Thực trạng mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và các cơ sở đào tạo sau đại học thuộc đơn vị quản lý.

Báo cáo đánh giá số lượng các trường hiện có, phân bố theo 7 vùng tính đến tháng 6 năm 2011, trong đó số trường mới thành lập từ năm 2010 đến tháng 6 năm 2011.

2. Quy mô đào tạo các trường thuộc đơn vị.

- Kết quả thực hiện tuyển sinh năm 2010, ước thực hiện kế hoạch tuyển sinh năm 2011 của các trường (chia theo từng trình độ đào tạo và nhóm ngành đào tạo).

- Quy mô đào tạo (tính đến 31/7/2011) của tất cả các loại hình mà các trường đang đào tạo.

### 3. Về đội ngũ giáo viên, giảng viên.

Số lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên (cơ hữu) của các trường chia theo trình độ;

### 4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Diện tích đất của từng trường (nói rõ mỗi trường có mấy cơ sở, tổng diện tích của các cơ sở), trong đó diện tích đã đưa vào sử dụng.

- Tổng diện tích xây dựng của từng trường (chỉ tính diện tích phòng học, hội trường, giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, thực tập, thư viện)

### 5. Nhận xét đánh giá chung

## II. Xây dựng Kế hoạch đào tạo năm 2012

### 1. Căn cứ xây dựng kế hoạch năm 2012

- Các nhiệm vụ, mục tiêu trong các Nghị quyết, Nghị định của Đảng, Chính phủ và của Bộ, ngành;

- Quy hoạch phát triển nhân lực của Bộ, ngành giai đoạn 2011-2020.

### 2. Những định hướng cơ bản.

a) Về quy hoạch: Rà soát sắp xếp hệ thống mạng lưới các cơ sở đào tạo trực thuộc theo các vùng; dự kiến kế hoạch thành lập trường ĐH, CĐ, TCCN trong năm 2012.

b) Về chỉ tiêu tuyển sinh. Căn cứ Quyết định số 795/QĐ-BGDĐT ngày 27/2/2010 và Quyết định số 649/QĐ-BGDĐT ngày 15/2/2011 về xác định chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo hàng năm, đề nghị các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị xây dựng chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh đào tạo năm 2012 của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, các cơ sở đào tạo sau đại học trực thuộc theo các nội dung sau:

- Chỉ tiêu đào tạo sau đại học, khuyến khích các trường tăng quy mô đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ trên cơ sở năng lực của đội ngũ giảng viên.

- Chỉ tiêu đại học, cao đẳng chính quy tăng không quá 6%, chỉ tiêu tuyển sinh trung cấp chuyên nghiệp tăng không quá 7% so với năm 2011. Một số ngành đặc thù hoặc một số cơ sở được giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực cho các vùng khó khăn, các Khu kinh tế trọng điểm, tùy theo năng lực cụ thể của từng trường, cơ quan chủ quản xác định chỉ tiêu cho phù hợp trên cơ sở năng lực của trường.

- Chỉ tiêu vừa làm vừa học, liên thông, văn bằng hai bằng 60% so với chỉ tiêu chính quy. Chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo nhân lực cho ngành y tế, sư phạm, nghệ thuật; chỉ tiêu của các cơ sở đào tạo đóng trên địa bàn các vùng đặc biệt khó khăn được xác định trên cơ sở nhu cầu của xã hội, địa phương và năng lực của cơ sở đào tạo.

- Chỉ tiêu trung cấp chuyên nghiệp trong các trường đại học giảm dần, tiến tới không xác định chỉ tiêu trung cấp chuyên nghiệp cho các trường đại học. Chỉ tiêu trung cấp chuyên nghiệp trong các trường cao đẳng bằng 80% chỉ tiêu chính quy. Riêng các trường khối ngành y, sư phạm, nghệ thuật, các trường đào tạo nhân lực cho các vùng khó khăn tùy theo nhu cầu và năng lực của từng trường xác định chỉ tiêu cho phù hợp.

### **3. Xác định các chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch 2012**

a) Về mạng lưới: Xác định số trường sẽ thành lập mới trong năm 2012.

b) Về chỉ tiêu tuyển sinh, bao gồm các chỉ tiêu sau:

- Chỉ tiêu đào tạo sau đại học của các cơ sở đào tạo (trường, viện)

- Chỉ tiêu tuyển sinh ĐH, CĐ, TCCN chính quy và hệ liên thông, văn bằng 2 theo hình thức chính quy của từng trường, chia theo nhóm ngành đào tạo, trong đó ghi rõ số chỉ tiêu đào tạo theo địa chỉ sử dụng, đào tạo nhân lực cho các khu kinh tế trọng điểm, các vùng đặc biệt khó khăn (Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ).

- Chỉ tiêu vừa làm vừa học và chỉ tiêu liên thông, văn bằng hai theo hình thức VLVH.

- Chỉ tiêu đào tạo từ xa.

- Chỉ tiêu dự bị, năng khiếu (nếu có)

c) Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

- Đội ngũ giảng viên cơ hữu của các trường;

- Diện tích sàn xây dựng của các trường.

Các chỉ tiêu trên được thể hiện qua các biểu phụ lục đính kèm.

### **III – Thời gian gửi kế hoạch**

Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị gửi kế hoạch đào tạo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Kế hoạch-Tài chính) theo địa chỉ số 49 Đại Cồ Việt – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội trước ngày 20/7/2011.

Đề nghị các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị, căn cứ hướng dẫn tại công văn này, triển khai xây dựng kế hoạch đào tạo, đảm bảo thời gian quy định./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- BT.Phạm Vũ Luận (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Lưu VT, Vụ KHTC.

**KT.BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**  
  
**Bùi Văn Ga**

**TỔNG HỢP CHỈ TIÊU TUYỂN MỚI ĐÀO TẠO NĂM 2012**(Kèm theo công văn số ~~477~~ BGDDĐT-KHTC ngày 15 tháng 7 năm 2011)

Số thứ tự	Loại hình đào tạo	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2010	Ước TH năm 2011		Kế hoạch năm 2012	So sánh (%)	
				Kế hoạch giao	Ước thực hiện		Ước TH 11/TH 2010	KH 2012/Ước TH 2011
<b>1</b>	<b>Đào tạo sau đại học</b>	Người						
	a) Tiến sĩ	người						
	b) Thạc sĩ	người						
	c) Chuyên khoa	người						
	Tỷ lệ % so với năm trước	%						
<b>2</b>	<b>Đào tạo đại học</b>	người						
	a) Hệ chính quy	người						
	Tỷ lệ % so với năm trước	%						
	Trong đó: - Đào tạo sư phạm	người						
	- Đào tạo theo địa chỉ	người						
	b) Hệ Vừa làm vừa học, liên thông, V	người						
	- Liên thông, văn bằng 2 theo hình thức CQ							
	- VLVH, LT, VB2 theo hình thức VLVH							
	Tỷ lệ % so với chính quy	%						
	c) Hệ Đào tạo từ xa							
<b>3</b>	<b>Đào tạo cao đẳng</b>	người						
	a) Hệ chính quy	người						
	Tỷ lệ % so với năm trước	%						
	Trong đó: - Đào tạo sư phạm	người						
	- Đào tạo theo địa chỉ	người						
	b) Hệ Vừa làm vừa học, liên thông	người						
	- Đào tạo liên thông theo hình thức CQ							
	- VLVH, liên thông theo hình thức VLVH							
	Tỷ lệ % so với chính quy	%						
<b>4</b>	<b>Đào tạo trung cấp chuyên nghiệp</b>	người						
	a) Hệ chính quy	người						
	Tỷ lệ % so với năm trước	%						
	Trong đó: Đào tạo sư phạm	người						
	b) Hệ Vừa làm vừa học	người						
<b>5</b>	<b>Các loại hình đào tạo khác</b>							
	a) Cử tuyển	Người						
	b) Dự bị đại học, cao đẳng.	Người						
	c) Học sinh PT năng khiếu và DTNT	Người						

Thủ trưởng (ký tên, đóng dấu)

**CHỈ TIÊU TUYỂN MỜI ĐÀO TẠO NĂM 2012 THEO TRƯỜNG**(Kèm theo công văn số ~~44/S~~ BGDDT-KHTC ngày 15 tháng 7 năm 2011)

Số thứ tự	Cơ sở đào tạo	Đào tạo sau đại học			Đào tạo đại học và cao đẳng									Trung cấp chuyên nghiệp		Đào tạo từ xa	Đào tạo khác		
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Chuyên khoa	Chính quy đại học			Chính quy cao đẳng			VLVH, liên thông, VB2			Tổng số	Trong đó Ch. quy		Dự bị ĐH-CĐ	PT Năng khiếu	PT Dân tộc nội trú
					Tổng số	Trong đó đào tạo		Tổng số	Trong đó đào tạo		Vừa làm vừa học	Liên thông, VB 2							
						Sr phạm	Theo đ/c		Sr phạm	Theo đ/c		Ch. quy	VLVH						
	<b>Cộng</b>																		
<b>I</b>	<b>Cơ sở chỉ đào tạo sau đại học</b>																		
1	...																		
2	...																		
3	...																		
<b>II</b>	<b>Cơ sở đào tạo đại học</b>																		
1	Học viện ...																		
2	Trường ...																		
3	Trường ...																		
4	Trường ...																		
	...																		
<b>III</b>	<b>Cơ sở đào tạo cao đẳng</b>																		
1	Trường ...																		
2	Trường ...																		
3	Trường ...																		
4	Trường ...																		
	...																		
<b>IV</b>	<b>Cơ sở đào tạo trung cấp CN</b>																		
1	Trường ...																		
2	Trường ...																		
3	Trường ...																		
4	Trường ...																		

Thủ trưởng (ký tên, đóng dấu)

**QUY MÔ ĐÀO TẠO NĂM 2012**

(Kèm theo công văn số 477/BGDĐT-KHTC ngày 5 tháng 7 năm 2011)

Số thứ tự	Loại hình đào tạo	Quy mô năm 2010	Ước Quy mô Năm 2011	Dự kiến Quy mô Năm 2012	So sánh (%)	
					Ước QM 2011 / QM 2010	QM 2012 / Ước QM 2011
<b>1</b>	<b>Đào tạo sau đại học</b>					
	a) Tiến sĩ					
	b) Thạc sĩ					
	c) Chuyên khoa					
<b>2</b>	<b>Đào tạo đại học</b>					
	a) Hệ chính quy					
	Trong đó: Đào tạo sư phạm					
	b) Hệ Vừa làm vừa học, liên thông, V2					
	- Liên thông, văn bằng 2 theo hình thức CQ					
	- VLVH, LT, VB2 theo hình thức VLVH					
	c) Hệ Đào tạo từ xa					
<b>3</b>	<b>Đào tạo cao đẳng</b>					
	a) Hệ chính quy					
	Trong đó: Đào tạo sư phạm					
	b) Hệ Vừa làm vừa học, liên thông					
	- Liên thông theo hình thức chính quy					
	- VLVH, liên thông theo hình thức VLVH					
<b>4</b>	<b>Đào tạo trung cấp CN</b>					
	a) Hệ chính quy					
	Trong đó: Đào tạo sư phạm					
	b) Hệ Vừa làm vừa học					
<b>5</b>	<b>Các loại hình đào tạo khác</b>					
	a) Cử tuyển					
	b) Dự bị đại học, cao đẳng.					
	c) Học sinh PT năng khiếu và DTNT					

Thủ trưởng (ký tên, đóng dấu)

**CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG**  
(Kèm theo công văn số 4745/BGDĐT-KHTC ngày 5 tháng 7 năm 2011)

Số thứ tự	Loại hình đào tạo	Đơn vị tính	Trong các Viện SĐH	Trong các trường Đại học	Trong các trường Cao đẳng	Trong các trường TCCN	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Đội ngũ giảng viên cơ hữu</b>	Người					
1	Giáo sư	người					
2	Tiến sĩ Khoa học	người					
3	Phó Giáo sư	người					
4	Tiến sĩ	người					
	<i>Tỷ lệ % tiến sĩ trở lên so với tổng số</i>						
5	Thạc sĩ	người					
	<i>Tỷ lệ % thạc sĩ so với tổng số</i>						
6	Đại học	người					
7	Cao đẳng	người					
8	Khác	người					
<b>II</b>	<b>Đất đai &amp; Diện tích xây dựng</b>						
1	Đất đai	ha					
	<i>Trong đó số đã đưa vào sử dụng</i>	ha					
2	Diện tích sàn xây dựng	m <sup>2</sup>					
	a) Phòng học, giảng đường	m <sup>2</sup>					
	b) Hội trường các loại	m <sup>2</sup>					
	c) Phòng thí nghiệm, thực hành	m <sup>2</sup>					Bao gồm cả phòng máy tính, ngoại ngữ, nhà thi đấu đa năng
	d) Thư viện	m <sup>2</sup>					

Thủ trưởng (ký tên, đóng dấu)

**QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CÁC TRƯỜNG NĂM 2012**(Kèm theo công văn số *A/HST* BGDDĐT-KHTC ngày 15 tháng 7 năm 2011)

Số TT	Trường - vùng	Tổng số trường có đến 31/12/2010	Ước Năm 2011		Kế hoạch TL mới năm 2012	Ghi chú (Tên trường thành lập mới)
			Số trường thành lập mới	Dự kiến số trường đến 31/12/2011		
<b>I</b>	<b>Trường đại học</b>					
1	Miền núi phía Bắc					
2	Đồng bằng Sông Hồng					
3	Bắc Trung bộ					
4	Duyên hải Nam Trung bộ					
5	Tây Nguyên					
6	Đông Nam bộ					
7	Đồng bằng Sông Cửu Long					
<b>II</b>	<b>Trường cao đẳng</b>					
1	Miền núi phía Bắc					
2	Đồng bằng Sông Hồng					
3	Bắc Trung bộ					
4	Duyên hải Nam Trung bộ					
5	Tây Nguyên					
6	Đông Nam bộ					
7	Đồng bằng Sông Cửu Long					
<b>III</b>	<b>Trường trung cấp CN</b>					
1	Miền núi phía Bắc					
2	Đồng bằng Sông Hồng					
3	Bắc Trung bộ					
4	Duyên hải Nam Trung bộ					
5	Tây Nguyên					
6	Đông Nam bộ					
7	Đồng bằng Sông Cửu Long					

Thủ trưởng (ký tên, đóng dấu)